

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT NẪM TRONG CHỈ GIỚI THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ BẮC THỊ TRẦN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 3)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày / 3/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Thông tin thửa đất theo Hồ sơ GCN				Diện tích thu hồi (m ²)			Ghi chú
		Tờ BĐ	Số thửa	DT (m ²)		Tờ BĐ	Số thửa	DT thửa (m ²)	DT cấp (m ²)	Đất hộ	UBND	Tổng	
1	Nguyễn Thế Chuyên (ông Nguyễn Thế Chuyên, bà Ngô Thị Liên ủy quyền cho ông Hà Đình Tám theo Hợp đồng số 4077, quyền 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa)	40	56	6.504,2	Đất rừng sản xuất (RTS)	25	416	8.140	8.140,0	6.504,2		6.504,2	
	Tổng			6.504,2						6.504,2	0,0	6.504,2	

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU DÂN CƯ BẮC THỊ TRẦN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày / 3/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo BDDC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân (đồng)					Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ (đồng)
		Tờ BĐ	Số thửa	DT (m2)		Đất hộ	UBND	Tổng	Bồi thường về đất 13.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 5.000đ/m2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm = 3 lần đất rừng (39.000đ/m2)	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích (50% giá đất)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ (đồng)	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	16
1	Nguyễn Thế Chuyên (ông Nguyễn Thế Chuyên, bà Ngô Thị Liên ủy quyền cho ông Hà Đình Tám theo Hợp đồng số 4077, quyền 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa)	40	56	6.504,2	Đất rừng sản xuất (RTS)	6.504,2		6.504,2	84.554.600	32.521.000	253.663.800	0	370.739.400	370.739.400
	Tổng			6.504,2		6.504,2	0,0	6.504,2	84.554.600	32.521.000	253.663.800		370.739.400	370.739.400

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT THU HỒI THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ BẮC THỊ TRẦN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 3)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- UBND ngày / 3/2023 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ (%)	Thành Tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Chuyên (ông Nguyễn Thế Chuyên, bà Ngô Thị Liên ủy quyền cho ông Hà Đình Tám theo Hợp đồng số 4077, quyền 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa)	Nhà cấp IV loại 2 - Kích thước: 7,9x5,5m	đ/m2 XD	43,45	2.850.000	80	99.066.000	
		Sân bê tông gạch vỡ láng vữa xi măng cát mác 150 dày 2-:-3 cm - Kích thước: (6,5x7,9m) + (10,5x4,8m)	đ/m2	101,75	120.000	80	9.768.000	
		Nhà vệ sinh loại C - Kích thước: 8,5x4,4m	đ/m2 XD	37,40	420.000	80	12.566.400	
		Khối Bê tông cốt thép mác 200 - Kích thước: 0,27x0,25x3m - Số lượng: 12 cột	đ/m3	2,72	4.040.000	80	8.796.211	
		Tường rào xây cày bê tông (gạch papanh), dày 100mm, bỏ trụ - Kích thước: 11,2x1,2m	đ/m2	13,44	230.000	80	2.472.960	
		Nhà vệ sinh chất lượng thấp - Kích thước: 2,3x1,3m - Số lượng 2 cái	đ/m2 XD	5,98	280.000	80	1.339.520	
		Giếng khoan thủ công có ống vách lọc, hút nước sâu ≤50 m - Giếng sâu 50m - Số lượng 1 cái	đ/mdài	50,00	170.000	80	6.800.000	
		Giếng khoan thủ công có ống vách lọc, hút nước sâu ≤50 m - Giếng sâu 40m - Số lượng 1 cái	đ/mdài	40,00	170.000	80	5.440.000	

STT	Họ tên chủ sử dụng	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ (%)	Thành Tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Chuyên (ông Nguyễn Thế Chuyên, bà Ngô Thị Liên ủy quyền cho ông Hà Đình Tám theo Hợp đồng số 4077, quyển 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa)	Giếng khoan thủ công có ống vách lọc, hút nước sâu ≤50 m - Giếng sâu 30m - Số lượng 1 cái	đ/mdài	30,00	170.000	80	4.080.000	
		Bể nước có tấm đan bê tông có thành 110 trát vữa xi măng 2 mặt - Kích thước: 2,2x2,2x2,5m	đ/m3	12,10	1.960.000	80	18.972.800	
		Bể nước không có tấm đan bê tông có thành 110 trát vữa xi măng 2 mặt - Kích thước: 1,8*1*1,5m	đ/m3	2,70	1.030.000	80	2.224.800	
		Cây Sấu đường kính gốc 29cm ≤ Φ <32cm	đ/cây	13,00	950.000	100	12.350.000	
		Cây Sấu đường kính gốc 25cm ≤ Φ <29cm	đ/cây	3,00	845.000	100	2.535.000	
		Nhãn đường kính tán 4m ≤ F <5m	đ/cây	380,00	1.364.000	100	518.320.000	
		Nhãn đường kính tán 3m ≤ F <4m	đ/cây	9,00	758.000	100	6.822.000	
		Nhãn đường kính tán 2m ≤ F <3m	đ/cây	6,00	437.000	100	2.622.000	
		Mít đường kính gốc 1,5 cm ≤ Φ < 3 cm	đ/cây	20,00	215.000	100	4.300.000	
		Mít đường kính gốc 19 cm ≤ Φ <25cm	đ/cây	10,00	740.000	100	7.400.000	
		Mít đường kính gốc 15 cm ≤ Φ <19cm	đ/cây	6,00	635.000	100	3.810.000	
		Mít đường kính gốc 12 cm ≤ Φ <15cm	đ/cây	2,00	530.000	100	1.060.000	
		Bưởi đường kính gốc 12cm ≤ Φ <15cm	đ/cây	15,00	2.306.000	100	34.590.000	
		Bưởi đường kính gốc 9cm ≤ Φ <12cm	đ/cây	4,00	2.027.000	100	8.108.000	
		Bưởi đường kính gốc 7cm ≤ Φ <9cm	đ/cây	2,00	1.559.000	100	3.118.000	
		Chanh đường kính gốc từ 12 cm trở lên	đ/cây	10,00	661.000	100	6.610.000	
Chanh đường kính gốc 2cm ≤ Φ <5cm	đ/cây	320,00	229.000	100	73.280.000			
Chuối ăn quả đã có quả (khóm có từ 2 cây trở lên)	đ/khóm	15,00	87.000	100	1.305.000			

STT	Họ tên chủ sử dụng	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ (%)	Thành Tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Chuyên (ông Nguyễn Thế Chuyên, bà Ngô Thị Liên ủy quyền cho ông Hà Đình Tám theo Hợp đồng số 4077, quyền 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/9/2022 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa)	Xoan loại D1,3 từ trên 13-<20 cm	đ/cây	23,00	163.000	100	3.749.000	
		Xoan loại D1,3 từ trên 10-13 cm	đ/cây	7,00	123.000	100	861.000	
		Xoài đường kính gốc 12 cm ≤ Φ <15cm	đ/cây	3,00	530.000	100	1.590.000	
		Xoài đường kính gốc 32 cm ≤ Φ <39cm	đ/cây	1,00	1.055.000	100	1.055.000	
		Khối Bê tông cốt thép mác 200 - Kích thước: 0,1x0,1x2m - Số lượng: 110 cột	đ/m3	2,20	4.040.000	80	7.110.400	
		Dây thép gai	đ/m dài	1.056,00	11.000	80	9.292.800	
		Khối xây gạch chi dày ≥ 330mm - Kích thước: 0,5x0,5x3m - Số lượng: 4	đ/m3	3,00	1.320.000	80	3.168.000	
		Khu chôn nuôi loại B - kích thước: (4,2x1,2m)+(3,8x1,2m)	đ/m2 XD	10,04	890.000	80	7.148.480	
		Công sắt: khung làm bằng (ống kẽm, sắt góc, sắt hộp,..) phần dưới bịt tôn, phần trên chôn song bằng sắt hình, sắt tròn, hoa sắt, sơn màu. - Kích thước: 2x3m	đ/m2	6,00	1.060.000	80	5.088.000	
		Khối bê tông mác 200 - Kích thước: 77x3,3x0,2m	đ/m3	50,82	2.110.000	80	85.784.160	
Tường rào xây gạch chi dày 110mm bổ trụ - Kích thước: 2x37m	đ/m2	74,00	430.000	80	25.456.000			
Tổng cộng							1.008.059.531	

Đơn giá bồi thường tài sản là cây cối lâm mộc theo Công văn 1250/SNN-KHTC ngày 29/06/2022 của Sở NN&PTNT tỉnh Bắc Giang

Đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc theo Công văn 1734/SXD- KT&VLXD ngày 30/06/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang